TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H1 phúc**

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/10/2018
V/v:"Tranh chấp quan hệ hôn nhân, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, T. BÀ RỊA –VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Đình Mai
2. Bà Nguyễn Thị Thọ

- Thư ký phiên toà: Bà Phùng Nữ Lệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Sanh – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 226/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 về *"Tranh chấp quan hệ hôn nhân, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H – sinh năm 1983 (có mặt)
Trú tại: Tổ 15, ấp Bắc, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1 – sinh năm 1980 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 15, ấp Bắc, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 6 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn H1 chính thức chung sống với nhau từ năm 2001 có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm đầu, sau đó thì liên tục phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông H1 không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt bê tha, về nhà chửi bới, xúc phạm vợ con. Bà H vì thương các con nên cố gắng chịu đựng để duy trì quan hệ hôn nhân. Nhưng đến năm 2014 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng và trầm trọng hơn. Vợ chồng liên tục cãi vã, cuộc sống không còn hạnh phúc. Vì không thể chịu đựng được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Bà H và ông H1 có 02 con chung là Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/4/2001 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 15/5/2003. Hiện các con đang

sống chung với bà H và đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H sẽ tự thỏa thuận với ông H1 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H xác định mâu thuẫn đã quá căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông H1.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập đến Toà làm việc nhưng ông H1 vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông H1.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh hộ khẩu thường trú, nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông H1 và bà H, kết quả ông Nguyễn Thanh P – Trưởng ban điều hành ấp Bắc 1, xã H, thành phố B nơi vợ chồng ông H1 cư trú xác nhận ông Trần Văn H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và trực tiếp sinh sống tại: Tổ 15, ấp Bắc, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với bà H và 02 con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng ông P cho biết bà H và ông H1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông H1 nhiều lần gây gổ, chửi mắng vợ con rồi bỏ đi, bà H một mình làm thuê nuôi dưỡng các con.

Đồng thời Tòa án cũng tiến hành lấy lời khai con ruột của ông H1 và bà H là các cháu Nguyễn Thanh P và Nguyễn Thị Anh T để xác định tình trạng mâu thuẫn giữa ông H1 và bà H. Các cháu cho biết cha mẹ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã xảy ra từ rất lâu, ông H1 nhiều lần nhậu nhẹt chửi bới bà H. Các cháu đều đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H và cùng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Về xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng theo quy định từ các Điều 93 đến Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn ông H chưa chấp hành mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H1 và bà

H đã trầm trọng, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên nhưng bà H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông H1; về con chung: bà H được quyền nuôi dưỡng cả hai con chung; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, về án phí bà H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà HuỳnhThị H có đơn xin ly hôn, ông Nguyễn Văn H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang thực tế sinh sống tại thành phố B nên tranh chấp nói trên được xác định là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H1 theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn H1 là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do ông H1 thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, sống không có trách nhiệm với vợ con, khi xảy ra cãi vã ông H1 thường xuyên chửi mắng vợ. Bà H đã cố gắng chịu đựng, tha thứ để vợ chồng chung sống chăm lo nuôi dạy con chung nhưng ông H1 không sửa đổi. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn, mặc dù vợ chồng còn sống chung nhưng mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Tòa án cũng đã nhiều lần vận động hòa giải nhưng bà H vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1 vì theo bà giữa ông bà không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài từ lâu nên không thể hàn gắn. Bản thân ông H1 biết rõ việc bà H yêu cầu ly hôn và đã nhận được thông báo thụ lý, các thông báo về phiên hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhưng không đến Tòa làm việc để trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà H mà bỏ mặc. Căn cứ biên bản xác minh tại Ban điều hành ấp Bắc 1, xã H và qua thu thập lời khai của các con ruột của ông H1 và bà H cũng xác nhận mâu thuẫn giữa ông H1 và bà H đã xảy ra từ nhiều năm nay, ông H1 nhiều lần gây gổ chửi mắng bà H. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bà H là có căn cứ, mâu thuẫn giữa bà H và ông H1 là có thật và trầm trọng, dẫn tới cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông H1.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông H1 có 02 con chung là Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/4/2001 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 15/5/2003. Các cháu hiện đang sống chung với bà H. Các cháu P, T đều có

nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ, tại phiên tòa bà H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét thấy trong thời gian chung sống với bà H, ông H1 không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc con. Do vậy, căn cứ theo nguyện vọng của các cháu và để đảm bảo cho các cháu điều kiện sống tốt nhất, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà H được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Việc bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên cần công nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác nhận tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, nếu sau này ông H1 có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Bà H phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H.

+ Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

+ Về con chung: Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn H1 có 02 con chung là Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/4/2001 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 15/5/2003. Bà Huỳnh Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/4/2001 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 15/5/2003 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không có yêu cầu nên không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2017/0002723 ngày 11/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà H đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/10/2018), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TPBR;
- UBND xã H Long;
- Chi cục THADS TPBR;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Anh

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Ngọc Anh